

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/ST - HNGĐ

Ngày: 19/ 01/2021.

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T HNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Khuất Thị Toàn.

2. Bà: Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chúng Thị H

Địa chỉ: Tổ 09,phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thăng L

Địa chỉ: Tổ 09,phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/09/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Chúng Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Thăng L kết hôn ngày 05/02/1993, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Hà. Việc kết hôn là do tự nguyện đến nay đã được 28 năm chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Từ khi chị bị tai biến năm 2014 từ đấy cho đến nay anh L luôn Hnh hạ, đánh đập chị nhiều lần bắt chị phải làm đơn để ly hôn, những lần đánh đập chị đã làm đơn gửi Công anphường Q đã đến để giải quyết ba lần, nhưng anh L vẫn không thay đổi, vẫn đánh đập, đe dọa, chửi bới chị dẫn đến giữa chị và anh L đã sống ly thân nhau. Đến tháng 7 năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn ra Tòa một lần nhưng sau đó lại rút

đơn về để vợ chồng cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được. Do vậy chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung anh chị có 02 con chung: Cháu Đỗ Thu Thủy- SN: 1993 và cháu Đỗ Kim Ngân - SN: 1996. Các con đã trưởng thành đi xây dựng gia đình không đề nghị gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Thăng L trình bày: Tại bản tự khai ngày 15/10/2020 anh L xác nhận về thời gian địa điểm kết hôn là đúng, quá trình chung sống vợ chồng đã ly thân nhau được 2 năm nay. Đến năm 2020 chị H làm đơn xin ly hôn một lần đã rút đơn về. Nay chị H tiếp tục làm đơn xin ly hôn với anh, vì vợ chồng đã nhiều lần cãi vã anh không thể chịu đựng được nên anh đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết anh L đã có đơn đề nghị chia tài sản chung khi ly hôn, sau khi Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung anh L đã rút đơn đề vợ chồng tự thỏa thuận. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh L có ý kiến do vợ chồng chưa thống nhất được về phần tài sản chung, chị H đã tự ý bán nhà của vợ chồng mà không được sự đồng ý của anh nên anh L không đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh L xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bày. Các con đã lớn trưởng thành không có ý kiến đề nghị gì.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ngày 23/10/2020 anh L đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung, công nợ chung số tiền đề nghị chia là 625.000.000,đ. Ngày 30/11/2020 anh L xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận trước, nên anh L không đồng ý ly hôn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn; anh L giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn để vợ chồng giải quyết xong về tài sản chung anh mới nhất trí ly hôn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật TT DS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn với anh L;

Về con chung: Có 02 con đã trưởng thành không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án này yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chúng Thị H và anh Đỗ Thăng L kết hôn ngày 05/02/1993, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn là do tự nguyện, nguyên nhân xin ly hôn theo chị H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và anh L đánh đập chị nhiều lần không thể hòa giải được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh L.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh L, bị đơn anh L tại bản tự khai nhất trí ly hôn nhưng tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải anh L không nhất trí ly hôn, đề nghị chị H phải giải quyết thỏa thuận về phần tài sản mới nhất trí ly hôn. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị H, anh L trong thời gian chung sống với nhau tại tổ 09, phường Q, thành phố H, hiện chị H, anh L vẫn sinh hoạt tại địa bàn tổ. Tuy nhiên anh L thường xuyên vắng mặt trên địa bàn tổ, việc anh L đi đâu làm gì anh L không báo lại với tổ dân phố do vậy tổ không nắm được. Quá trình chung sống anh L và chị H chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, đánh nhau mỗi lần anh L về nhà là vợ chồng lại xảy ra đánh chửi nhau to tiếng chị H báo qua tổ, Công an phường xuống để giải quyết nhắc nhở, anh L lại bỏ đi, hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa đã sống ly thân nhau, hơn nữa chị H đã làm đơn ra Tòa một lần sau đó vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng vợ chồng không cải thiện được, nếu cố níu kéo để chị H quay lại đoàn tụ chung sống với anh L thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh L đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh L có 02 con chung cháu Đỗ Thu Thủy- SN: 1993 và cháu Đỗ Kim Ngân - SN: 1996. Các cháu đã trưởng thành đi xây dựng gia đình không đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết phía nguyên đơn chị H trình bày là không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nếu anh L đề nghị việc chia tài sản chung thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H không có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết trọng vụ việc ly hôn. Phía bị đơn anh L có đơn đề nghị chia tài sản chung, công nợ chung, sau khi xem xét đơn của anh L Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh L về việc nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, sau khi anh L nhận giấy thông báo của Tòa án anh L có đơn xin

rút đơn về việc chia tài sản chung, công nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu hai bên đương sự sau khi ly hôn không tự thỏa thuận được với nhau thì làm đơn khởi kiện chia tài sản chung, công nợ chung sau ly hôn thành một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Chúng Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chúng Thị H về việc xin ly hôn với anh Đỗ Thăng L.

2. Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Đỗ Thăng L.

3. Về con chung: Đã trưởng thành, không giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Chúng Thị H thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Hà;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghị

